

Bản án số: 230/2023/HC-PT

Ngày 13 - 4 - 2023

V/v Khiếu kiện quyết định hành chính

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thụy Vũ;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Khương;

Bà Nguyễn Thị Thúy Hòa.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Kim Nhi – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Đỗ Thành Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý số 793/2022/TLPT-HC ngày 29 tháng 11 năm 2022 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 50/2022/HC-ST ngày 08 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 424/2022/QĐ-PT ngày 27 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị Trúc L, sinh năm 1960. (Có mặt)

Địa chỉ: xã X, thành phố B1, tỉnh Bến Tre.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện: Ông NBV1, sinh năm 1962. (Có mặt)

Người bị kiện:

1. Cục trưởng Cục thuế tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo pháp luật: Ông NPL1. (Xin xét xử vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông NBV2 – Phó trưởng Phòng kiểm tra nội bộ Cục thuế tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

2. Chi cục Thuế khu vực thành phố B.

Người đại diện theo pháp luật: Ông NPL2 – Chi Cục Trưởng. *(Xin xét xử vắng mặt)*

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông NBV3 – Phó Đội trưởng Đội Tuyên truyền – Hỗ trợ người nộp thuế - trước bạ - thu khác. *(Vắng mặt)*

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo pháp luật: Ông NPL3 – Giám đốc. *(Xin xét xử vắng mặt)*

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông NBV4 – Phó Giám đốc Văn Phòng Đăng ký đất đai thành phố B1. *(Xin xét xử vắng mặt)*

2. Chi nhánh Văn Phòng Đăng ký đất đai thành phố B1, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo pháp luật: Ông NBV4 – Phó Giám đốc phụ trách Chi nhánh Văn Phòng Đăng ký đất đai thành phố B1, tỉnh Bến Tre. *(Xin xét xử vắng mặt)*

3. Ủy ban nhân dân thành phố B1, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo pháp luật: Ông NPL4. *(Xin xét xử vắng mặt)*

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông NBV5 – Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố B1. *(Xin xét xử vắng mặt)*

4. Ủy ban nhân dân xã X, thành phố B1, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo pháp luật: Ông NPL5 – Chủ tịch. *(Vắng mặt)*

- *Người kháng cáo:* Người khởi kiện bà Nguyễn Thị Trúc L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ biên bản đối thoại cũng như tại phiên tòa, người khởi kiện bà Nguyễn Thị Trúc L và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện – ông NBV1 cùng trình bày:

Phần đất của gia đình bà L có nguồn gốc được nhà nước hoán đổi cho mẹ bà L là bà Cao Thị K vào năm 1983. Khi xây dựng Trại tạm giam tỉnh thuộc xã X đã trưng dụng phần đất của gia đình bà K canh tác trước kia khoảng 10.000m².

UBND xã X có trách nhiệm tìm đất khác cho những hộ bị giải tỏa di dời, gia đình bà L phải chấp nhận theo chủ trương nhà nước, ở thời điểm này không cấp nào ra quyết định nên việc không thực hiện đúng qui định pháp luật về đất đai là do các cấp chính quyền chứ không phải do người dân.

Căn cứ Quyết định số 1510/QĐ-UB ngày 08/9/1997 của UBND tỉnh Bến Tre có nội dung công nhận: Giữ nguyên hiện trạng sử dụng cho bà Cao Thị K đối với 02 phần đất đã và đang quản lý sử dụng từ năm 1983 là hợp pháp.

Ngoài ra, diện tích đất ở đã được hình thành từ lâu trong Bản án sơ thẩm số 63/2016/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2016 của Tòa án nhân dân thành phố B1 có nêu: “Tại biên bản xác minh ngày 24/11/2015 của Tòa án nhân dân thành phố B1, UBND xã X cho biết: Phần đất tranh chấp có đưa vào Tập đoàn hay không địa phương không nắm rõ, do hiện tại không còn hồ sơ lưu ở địa phương chỉ có lưu lại tên bà Cao Thị K đứng tên trong sổ kê khai ruộng đất đối với phần đất tranh chấp vào năm 1995 trong đó có 300m² đất thổ cư”.

Do các cấp các ngành chức năng giải quyết vụ việc chưa được khách quan, chưa thấu tình đạt lý làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp đối với gia đình bà L suốt 39 năm qua.

Bà L đại diện những người thừa kế theo pháp luật của bà Cao Thị K không đồng ý nộp tiền sử dụng đất là 96.000.000 đồng (Chín mươi sáu triệu đồng) đối với diện tích: 300m² đất ở Nay bà L yêu cầu đề nghị Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

- Hủy bỏ Quyết định số 878/QĐ-CTBTr ngày 10 tháng 7 năm 2021 của Cục trưởng Cục thuế tỉnh Bến Tre về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị Trúc L (lần 2).

- Hủy Thông báo nộp tiền sử dụng đất số LTB2081101-TK0004232/TB-CCT ngày 10/4/2020 của Chi cục Thuế khu vực B

Theo văn bản ý kiến số 3709a/CTBTR-KTNB ngày 27/12/2021, người bị kiện Cục thuế tỉnh Bến Tre trình bày:

Ngày 19/7/2021, Cục Thuế tỉnh Bến Tre ban hành Quyết định số 878/QĐ-CTBTR về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị Trúc L theo đúng quy định, trình tự, thủ tục của Luật Khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11 tháng 11 năm 2011 của Quốc hội và Quy trình giải quyết khiếu nại theo Quyết định số 178/QĐ- TCT 25 TCT ngày 25 tháng 02 năm 2019 của Tổng cục trưởng Tổng Cục Thuế.

Ngày 17 tháng 3 năm 2020, Chi cục Thuế khu vực B có nhận hồ sơ chuyển thông tin địa chính số 1117 ngày 17/3/2020 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố B1, tỉnh Bến Tre để xác định nghĩa vụ tài chính đối với chủ tài sản bà Nguyễn Thị Trúc E là đại diện người thừa kế theo pháp luật của mẹ ruột là bà Cao Thị K, sinh năm 1920 (đã mất), địa chỉ: xã X, thành phố B1, tỉnh Bến Tre.

Chi cục Thuế khu vực B đã ra Thông báo số LTB2081101-TK0004231/TB-CCT, LTB2081101-TK0004232/TB-CCT ngày 10/4/2020 yêu cầu bà E nộp tiền sử dụng đất và lệ phí trước bạ theo quy định.

Khi nhận thông báo làm nghĩa vụ tài chính của Chi cục Thuế khu vực B, bà Nguyễn Thị Trúc L kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét miễn tiền sử dụng đất và lệ phí trước bạ.

Ngày 04/5/2021, UBND thành phố B1 có Công văn số 1573/UBND TNMT xác định không có cơ sở giải quyết đơn xin miễn tiền sử dụng đất của bà L và đề nghị bà L thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất.

Nay bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 878/QĐ-CTBTR ngày 19/7/2021 của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Bến Tre và Thông báo nộp tiền sử dụng đất số LTB2081101-TK0004232/TB-CCT ngày 10/4/2020 của Chi cục Thuế khu vực B. Để quá trình giải quyết vụ án hành chính đảm bảo tính khách quan và đúng quy định của pháp luật, Cục Thuế tỉnh Bến Tre đề nghị Tòa án tỉnh Bến Tre đưa các bên liên quan như: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre; Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B1; Chi cục Thuế khu vực B; Ủy ban nhân dân thành phố B1, tỉnh Bến Tre và Ủy ban nhân dân xã X, thành phố B1, tỉnh Bến Tre tham gia vào quá trình giải quyết vụ án.

Từ những cơ sở trên, nhận thấy Quyết định số 878/QĐ-CTBTR ngày 19/7/2021 của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Bến Tre và Thông báo nộp tiền sử dụng đất số LTB2081101-TK0004232/TB-CCT ngày 10/4/2020 của Chi cục Thuế khu vực B được ban hành đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Tòa án xem xét bác yêu cầu khởi kiện của bà L.

Theo văn bản số 1299/CCTKV-TTBTBTK ngày 02/6/2022, người bị kiện Chi cục thuế khu vực B trình bày:

Ngày 17/5/2021, bà Nguyễn Thị Trúc L gửi đơn khiếu nại đến Chi cục thuế khu vực B về việc nộp tiền sử dụng đất. Căn cứ Điều 9 và khoản 6 Điều 11 Luật Khiếu nại năm 2011. Ngày 31/5/2021, Chi cục Thuế khu vực B đã ban hành Thông báo 1071/TB- CCTKV với nội dung đơn của bà Nguyễn Thị Trúc L đã hết thời hiệu khiếu nại theo quy định của pháp luật.

Ngày 08 tháng 6 năm 2021, bà Nguyễn Thị Trúc L gửi đơn khiếu nại đến Cục thuế tỉnh Bến Tre. Sau khi xem xét nội dung đơn khiếu nại, căn cứ Luật khiếu nại năm 2011, đơn khiếu nại đủ điều kiện thụ lý.

Ngày 19 tháng 7 năm 2021, Cục Thuế tỉnh Bến Tre ra Quyết định số 878/QĐ-CTBTR về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị Trúc L. Kết luận nội dung khiếu nại không có cơ sở giải quyết, không công nhận nội dung khiếu nại của bà L.

Chi cục Thuế Khu vực Bến Tre Châu Thành đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre bác yêu cầu khởi kiện của bà L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân thành phố B1, tỉnh Bến Tre trình bày:

Ngày 17/11/2019, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B1 có tiếp nhận hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu của bà Nguyễn Thị Trúc L, bà Nguyễn Thị Trúc E, bà Nguyễn Thị Thùy Trang, ông Nguyễn Hữu Trí, ông Nguyễn Văn Hiếu (nhận thừa kế từ bà Cao Thị K) tại thửa đất số 68, tờ bản đồ số 11, diện tích 735,3m², loại đất trồng cây lâu năm và thửa đất số 770, tờ bản đồ số 11, diện tích 890,0m² (trong đó có 300m² đất ở tại nông thôn và 590,0m² đất trồng cây lâu năm), tại xã X, thành phố B1, tỉnh Bến Tre.

Theo xác nhận của Ủy ban nhân dân xã X, thành phố B1 thì thửa đất số 68, tờ bản đồ số 11 và thửa đất số 770, tờ bản đồ số 11, xã X có nguồn gốc: được Ủy ban nhân dân xã X giao cho bà Cao Thị K sử dụng từ năm 1983, đồng thời tại Bản án số 72/2017/DS-PT ngày 16 tháng 3 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre về việc tranh chấp quyền sử dụng đất giữa nguyên đơn bà Thái Thị Kim An với bị đơn bà Cao Thị K xác định “phần đất tranh chấp đã được Ủy ban nhân dân xã X giao cho bà Cao Thị K sử dụng từ năm 1983”. Như vậy, phần đất bà Nguyễn Thị Trúc L, ông Nguyễn Hữu Trí, bà Nguyễn Thị Thùy Trang, bà Nguyễn Thị Trúc E xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có nguồn gốc do UBND xã X giao đất không đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 23 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính Phủ.

Căn cứ khoản 2 Điều 23 và khoản 1 Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ thì thửa đất số 770, tờ bản đồ số 11, xã X đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (lần đầu), tuy nhiên, chủ sử dụng đất phải nộp tiền sử dụng đất theo quy định tại điểm c, Khoản 1, Điều 8, Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất.

Do vậy, bà Nguyễn Thị Trúc L, ông Nguyễn Hữu Trí, bà Nguyễn Thị Thùy Trang, bà Nguyễn Thị Trúc E xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có nguồn gốc do Ủy ban nhân dân xã X giao cho bà Cao Thị K sử dụng từ năm 1983 (Ủy ban nhân dân cấp xã giao đất không đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật về đất đai) nên phải nộp tiền sử dụng đất khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 300m² đất ở, là phù hợp theo quy định tại điểm c, Khoản 1, Điều 8, Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ. Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết đúng quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B1 trình bày:

Ngày 17/11/2019 Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B1 có tiếp nhận hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu của bà

Nguyễn Thị Trúc L, bà Nguyễn Thị Trúc E, bà Nguyễn Thị Thùy Trang, ông Nguyễn Hữu Trí, ông Nguyễn Văn Hiếu (nhận thừa kế từ bà Cao Thị K) tại thửa đất số 68, tờ bản đồ số 11, diện tích 735,3m², loại đất trồng cây lâu năm và thửa đất số 770, tờ bản đồ số 11, diện tích 890,0m² (trong đó có 300m² đất ở tại nông thôn và 590,0m² đất trồng cây lâu năm), tại xã X, thành phố B1, tỉnh Bến Tre.

Về cơ sở để xác định nguồn gốc đất: Biên bản họp Hội đồng tư vấn xã X, thành phố B1 ngày 21/10/2019 của Ủy ban nhân dân xã X; Danh sách công khai số 18/DSTB ngày 21/10/2019 của Ủy ban nhân dân xã X; Bản án phúc thẩm số 72/2017/DS-PT ngày 16/3/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

Về quy trình: Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai theo Mẫu số 01/LCHS (Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 88/2016/TTLT-BTC-BTNMT); Việc xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai thuộc thẩm quyền của cơ quan thuế.

Về thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu: Căn cứ khoản 2 Điều 105 của Luật đất đai năm 2013 thì thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân thành phố B1.

Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết đúng quy định của pháp luật..

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre trình bày:

Căn cứ khoản 2 Điều 105 Luật Đất đai 2013 thì thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thửa đất số 68 và thửa đất số 770, cùng tờ bản đồ số 11 tại xã X, thành phố B1 là Ủy ban nhân dân thành phố Bến Tre (đăng ký lần đầu), không thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Bến Tre. Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết đúng quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan UBND xã X, thành phố B1, tỉnh Bến Tre:

Ngày 18/8/2022, UBND xã X, thành phố B1 có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 50/2022/HC-ST ngày 08 tháng 9 năm 2022, Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre đã quyết định:

Căn cứ điểm a, khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ Điều 100; khoản 2 Điều 105 Luật Đất đai 2013, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ; Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ; Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài Chính;

Căn cứ Luật Khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11 tháng 11 năm 2011 của Quốc hội và Quy trình giải quyết khiếu nại theo Quyết định số 178/QĐ-TCT ngày 25 tháng 02 năm 2019 của Tổng cục trưởng Tổng Cục Thuế;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà

Nguyễn Thị Trúc L về việc yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Thông báo nộp tiền sử dụng đất số LTB2081101-TK0004232/TB-CCT ngày 10/4/2020 của Chi cục Thuế khu vực Bến Tre Châu Thành và Quyết định số 878/QĐ-CTBTr ngày 10 tháng 7 năm 2021 của Cục trưởng Cục thuế tỉnh Bến Tre về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị Trúc L (lần 2).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Ngày 22/9/2022, người khởi kiện bà Nguyễn Thị Trúc L có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Nguyễn Thị Trúc L trình bày giữ nguyên yêu cầu kháng cáo do Ủy ban nhân dân xã X cho rằng gia đình bà không có đất canh tác là không khách quan, không đúng thực tế, đồng thời bà L có xuất trình các biên lai thuế. Việc án sơ thẩm nhận định đất của gia đình bà không được giao đúng thẩm quyền là không phù hợp, mà trường hợp của bà là được hoán đổi đất để làm Trại tạm giam của tỉnh, cơ quan chức năng không ra quyết định giao đất là cái sai của chính quyền không thể bắt người dân phải chịu. Án sơ thẩm còn căn cứ vào bản án dân sự giải quyết tranh chấp theo khởi kiện của bà Thái Thị Kim An để xác định đất của gia đình bà được Ủy ban nhân dân xã Thạnh Phú giao là không có cơ sở trong khi các cơ quan chức năng hợp đã xác định đây là đất hoán đổi. Do vậy, buộc gia đình bà phải đóng thuế sử dụng đất khi đi đăng ký quyền sử dụng đất là không đúng quy định. Tại địa phương, những hộ dân có quá trình sử dụng tương tự như gia đình bà đã được cấp giấy chứng nhận mà không phải chịu thuế sử dụng đất, chỉ riêng gia đình bà bị gây khó khăn là không công bằng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà L đề nghị chấp nhận kháng cáo, sửa án sơ thẩm và hủy Thông báo nộp tiền sử dụng đất và quyết định giải quyết khiếu nại của của Cục trưởng Cục thuế tỉnh Bến Tre. Căn cứ vào Công văn ngày 26/02/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh, các thành viên cuộc họp đã xác định trường hợp của gia đình bà L là được hoán đổi đất và không phải nộp tiền sử dụng đất, đồng thời bà L có xuất trình biên lai thu thuế. Đây là 02 chứng cứ phát sinh sau phiên tòa sơ thẩm. Tại Biên bản họp Hội đồng của xã X đã thống nhất gia đình bà L đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận, tức là thuộc trường hợp không phải chịu thuế. Các Biên bản khác của cơ quan chức năng cũng đều xác định đây là trường hợp hoán đổi đất, không phải trường hợp giao đất không đúng thẩm quyền.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng Tòa án cấp sơ thẩm và Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng đã tuân thủ quy định tố tụng.

Đối với kháng cáo của bà L: xét nguồn gốc sử dụng đất đã được thể hiện theo hồ sơ đăng ký quyền sử dụng đất thì đất có nguồn gốc do Nhà nước quản lý. Chủ sử dụng là bà Cao Thị K sử dụng đến năm 1995, đăng ký kê khai theo sổ mục kê, đến năm 2015 bà K mất, đất được giao cho các con tiếp tục sử dụng. Do vậy, đây không phải là đất của gia đình bà K khai phá và gia đình chưa đóng tiền sử dụng đất. Theo quy định của khoản 1 Điều 100 Luật Đất đai năm 2013 thì không thuộc trường hợp không nộp thuế sử dụng đất. Do vậy, Chi cục Thuế khu vực Châu Thành – Bến Tre đã ban hành văn bản Thông báo nộp tiền sử dụng đất là đúng quy định.

Đối với Quyết định số 878/QĐ-CTBTr ngày 10 tháng 7 năm 2021 của Cục trưởng Cục thuế tỉnh Bến Tre về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị Trúc L đã được ban hành đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền và nội dung nên văn bản này là hợp pháp và có căn cứ.

Do vậy, án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L là có cơ sở. Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo không xuất trình thêm tài liệu chứng cứ nào mới làm thay đổi bản chất vụ án nên không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng Hành chính giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức:

Án sơ thẩm đã xác định loại vụ việc, quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết đúng quy định Luật Tố tụng Hành chính. Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuân thủ các quy định về thủ tục tố tụng, quyền lợi tố tụng của các đương sự được bảo đảm. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình, các chứng cứ được thu thập đã đủ cơ sở để giải quyết toàn bộ các vấn đề của vụ án.

[2] Về nội dung:

Bà Nguyễn Thị Trúc L yêu cầu hủy Quyết định số 878/QĐ-CTBTr ngày 10 tháng 7 năm 2021 của Cục trưởng Cục thuế tỉnh Bến Tre về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị Trúc L (lần 2) và Thông báo nộp tiền sử dụng đất số LTB2081101-TK0004232/TB-CCT ngày 10/4/2020 của Chi cục Thuế khu vực B. Căn cứ tài liệu chứng cứ đã thu thập xác định được nguồn gốc đất có liên

quan đến quyết định hành chính và văn bản hành chính bị kiện có cơ sở xác định: đất có nguồn gốc từ bà Cao Thị K (mẹ ruột bà L) được Ủy ban nhân dân xã X, thành phố B1 giao sử dụng từ năm 1983. Điều này được xác nhận bởi Bản án dân sự phúc thẩm số 72/2017/DS-PT ngày 16/3/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa bà Thái Thị Kim An và bà Cao Thị K.

Theo pháp luật đất đai qua các thời kỳ, thẩm quyền giao đất cho cá nhân, hộ gia đình được quy định thống nhất là thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện. Việc Ủy ban nhân dân xã X, thành phố B1 giao đất cho bà K là không đúng thẩm quyền. Điều 59 khoản 2 Luật Đất đai 2013 cũng quy định về thẩm quyền giao đất là thuộc UBND cấp huyện.

Về quá trình sử dụng đất: bà K được giao đất từ năm 1983 nhưng không tiến hành đăng ký kê khai ngay mà đăng ký năm 1995 là sau ngày 15/10/1993 nên không thuộc trường hợp không phải nộp tiền sử dụng đất.

Xét tính hợp pháp và có căn cứ của các văn bản hành chính bị kiện:

- Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành:

Ngày 17/11/2019, bà L nộp hồ sơ đăng ký quyền sử dụng đất tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố B1. Sau khi xác định hồ sơ đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cơ quan này đã chuyển thông tin đến Chi cục thuế khu vực B để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai. Ngày 10/4/2020, Chi cục Thuế ban hành Thông báo số LTB2081101-TK0004232/TB-CCT đối với người đăng ký là đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo Điều 107 Luật Đất đai 2013 và Điều 17 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Bà L không đồng ý với nội dung Thông báo nên kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét miễn tiền sử dụng đất và lệ phí trước bạ nhưng bị xác định không có cơ sở giải quyết nên bà đã khiếu nại đến Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Bến Tre vào ngày 08/6/2021. Căn cứ Biên bản làm việc ngày 19/7/2021, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Bến Tre đã ban hành Quyết định số 878/QĐ-CTBTr ngày 10 tháng 7 năm 2021 không chấp nhận nội dung khiếu nại của bà L là đúng quy định về Quy trình giải quyết khiếu nại của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế số 178/QĐ-TCT ngày 25/02/2019 và Luật Khiếu nại năm 2011.

- Về nội dung các quyết định hành chính bị khởi kiện:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã thu thập thể hiện nguồn gốc đất gia đình bà L yêu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do mẹ ruột là bà Cao Thị K được Ủy ban nhân dân xã X, thành phố B1 giao sử dụng từ năm 1983. Đất có nguồn gốc của Đình Phú Lợi, khi mở rộng đất để xây dựng Trại tạm giam Công an tỉnh Bến Tre có trưng dụng một phần đất này của Đình thì có căn nhà của bà K trên đất. Khi trưng dụng đất của Đình, Ủy ban nhân dân xã có giao cho bà K

2.000m² đất của Tập đoàn. Vào ngày 08/9/1997, Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre có ban hành Quyết định số 1510/QĐ-UB về việc giải quyết khiếu nại của bà K với nội dung: giữ nguyên hiện trạng sử dụng cho bà K đối với 02 phần đất gồm 1.200m² thuộc thửa 2378, 2379 xã X và 814m² đất thuộc thửa 2343 xã X nhưng đến ngày 17/4/2013 Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 605/QĐ-UBND thu hồi Quyết định 1510 nói trên nên Quyết định 1510 không có hiệu lực thi hành.

Giữa bà K còn có tranh chấp với bà Thái Thị Kim An và được giải quyết bằng Bản án Dân sự phúc thẩm số 72/2017/DS-PT ngày 16/3/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, trong đó có nội dung xác định nguồn gốc đất tranh chấp do Ủy ban nhân dân xã X giao bà K sử dụng từ năm 1983.

Tại hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, gia đình bà L cũng xác định nguồn gốc đất xin cấp là đất được Nhà nước giao năm 1983 do giải tỏa khu vực Trại tạm giam, chủ sử dụng là bà K. Diện tích này được kê khai đăng ký năm 1995, chưa đóng tiền sử dụng đất.

Đối chiếu quy định tại điểm b khoản 1 Điều 100 Luật Đất đai năm 2013, do bà K đăng ký sau ngày 15/10/1993 nên không thuộc trường hợp được cấp giấy chứng nhận mà không nộp tiền sử dụng đất.

Việc Ủy ban nhân dân xã X giao đất cho cá nhân là không đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 59 Luật Đất đai năm 2013, khoản 1 Điều 23 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 do pháp luật đất đai các thời kỳ đều quy định thẩm quyền giao đất cho cá nhân, hộ gia đình thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Trường hợp của gia đình bà L theo quy định của khoản 3 Điều 2 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP là hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất được nhà nước công nhận có thời hạn lâu dài trước ngày 01/7/2014, khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phải thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định của các Điều 6, 7, 8 và 9 của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP. Việc Chi cục Thuế khu vực B ban hành Thông báo nộp tiền sử dụng đất là đúng quy định của điểm c khoản 1 Điều 8 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP với mức nộp bằng 40% giá tính thuế trên diện tích sử dụng được giao.

Như vậy, Thông báo nộp tiền sử dụng đất số LTB2081101-TK0004232/TB-CCT ngày 10/4/2020 của Chi cục Thuế khu vực B được ban hành đúng quy định về hình thức và nội dung.

Quyết định số 878/QĐ-CTBTr ngày 10 tháng 7 năm 2021 của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Bến Tre được ban hành đúng thời hạn, trình tự, thủ tục và thẩm quyền, nội dung không chấp nhận khiếu nại của bà L là hợp pháp và có căn cứ.

Án sơ thẩm đã giải quyết đúng nội dung và đúng quy định pháp luật đối với yêu cầu khởi kiện và tuyên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện là có căn cứ.

[3] Về yêu cầu kháng cáo:

Bà Nguyễn Thị Trúc L kháng cáo yêu cầu sửa án sơ thẩm, hủy Thông báo nộp tiền sử dụng đất số LTB2081101-TK0004232/TB-CCT ngày 10/4/2020 của Chi cục Thuế khu vực B và Quyết định số 878/QĐ-CTBTr ngày 10 tháng 7 năm 2021 của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Bến Tre nhưng như phân tích trên, án sơ thẩm đã xét xử đúng pháp luật nên không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo. Theo đề nghị của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử thống nhất giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bà L phải chịu án phí hành chính phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận. Tuy nhiên, do là người cao tuổi và có yêu cầu miễn án phí nên miễn án phí cho bà.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính,

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Trúc L, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng:

Điều a, khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính;

Điều 100; khoản 2 Điều 105 Luật Đất đai 2013,

Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ;

Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ;

Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài Chính;

Luật Khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11 tháng 11 năm 2011 của Quốc hội và Quy trình giải quyết khiếu nại theo Quyết định số 178/QĐ-TCT ngày 25 tháng 02 năm 2019 của Tổng cục trưởng Tổng Cục Thuế;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Trúc L về việc yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Thông báo nộp tiền sử dụng đất số LTB2081101-TK0004232/TB-CCT ngày 10/4/2020 của Chi cục Thuế khu vực B và Quyết định số 878/QĐ-CTBTr ngày 10 tháng 7 năm 2021 của Cục trưởng Cục thuế tỉnh Bến Tre về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị Trúc L (lần 2).

Miễn án phí hành chính phúc thẩm cho bà Nguyễn Thị Trúc L.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSND cấp cao tại TP.HCM (1);
- TAND tỉnh Bến Tre (1);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1);
- Cục THADS tỉnh Bến Tre (1);
- ĐS (7);
- Lưu VP(3), HS(2).17b.NHT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thụy Vũ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thúy Hòa Nguyễn Văn Khương

Nguyễn Thị Thụy Vũ